

PHIẾU XỬ LÝ VĂN BẢN ĐẾN

Số đến: 123, ngày đến: 02 tháng 4 năm 2018
Số, ký hiệu văn bản: 1200/QĐ-BGDĐT, ngày 29/3/2018
Cơ quan ban hành: BGDĐT
Trích yếu nội dung: QĐ chuyển đổi tên và mã số các ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ của Trường ĐHYHN theo Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT và Thông tư số 25/2017/TT-BGDĐT.

Người chỉ đạo thực hiện:..... GS. Văn - GS. Tư.

Đơn vị thực hiện:..... Phòng QLĐT Sau ĐH.

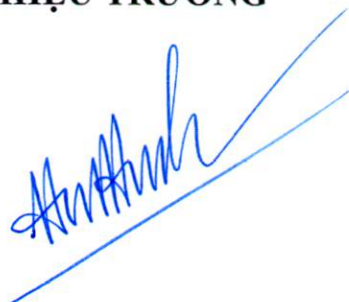
..... Phòng QLĐT Đại học.

Đơn vị phối hợp:

Thời hạn hoàn thành:

Ngày...03 tháng 4 năm 2018

HIỆU TRƯỞNG



TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI /QĐ-BGDĐT

CÔNG VĂN BẢN

Số:.....*123*.....

Ngày:.....*02* tháng.....*04* năm *2018*.....

Hà Nội, ngày *29* tháng 03 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chuyển đổi tên và mã số các ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ của Trường Đại học Y Hà Nội theo Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT và Thông tư số 25/2017/TT-BGDĐT

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 69/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư số 25/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ thạc sĩ, tiến sĩ;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Giáo dục Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chuyển đổi tên và mã số các ngành đã được giao nhiệm vụ đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ của Trường Đại học Y Hà Nội theo tên và mã số ngành đào tạo được quy định tại Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học và Thông tư số 25/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ thạc sĩ, tiến sĩ.

Danh sách các ngành đào tạo của Trường kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Giáo dục Đại học, Thủ trưởng các đơn vị liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo và Hiệu trưởng Trường Đại học Y Hà Nội chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Bộ Y tế (để ph/hợp);
- Lưu: VT, Vụ GDĐH.

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Văn Phúc

TT	Trình độ đào tạo	Ngành đào tạo hiện tại			Ngành đào tạo theo Thông tư 24/2017/TT-BGDĐT và Thông tư 25/2017/TT-BGDĐT	
		Mã ngành	Tên ngành	Số, ngày QĐ mở ngành	Mã ngành	Tên ngành
16	Tiến sĩ	62720126	Ngoại thận và tiết niệu			
17	Tiến sĩ	62720127	Ngoại thần kinh - sọ não			
18	Tiến sĩ	62720129	Chấn thương chỉnh hình và tạo hình			
19	Tiến sĩ	62720131	Sản phụ khoa		9720105	Sản phụ khoa
20	Tiến sĩ	62720135	Nhi khoa		9720106	Nhi khoa
21	Tiến sĩ	62720141	Nội tim mạch		9720107	Nội khoa
22	Tiến sĩ	62720142	Nội xương khớp			
23	Tiến sĩ	62720143	Nội tiêu hóa			
24	Tiến sĩ	62720144	Nội hô hấp			
25	Tiến sĩ	62720145	Nội tiết			
26	Tiến sĩ	62720146	Nội thận - tiết niệu			
27	Tiến sĩ	62720147	Tâm thần			
28	Tiến sĩ	62720148	Thần kinh			
29	Tiến sĩ	62720152	Da liễu			
30	Tiến sĩ	62720151	Huyết học và truyền máu			
31	Tiến sĩ		Phục hồi chức năng			
32	Tiến sĩ	62720149	Ung thư		9720108	Ung thư
33	Tiến sĩ	62723153	Truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới		9720109	Bệnh truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới
34	Tiến sĩ	62720150	Lao			

**DANH SÁCH NGÀNH ĐÀO TẠO CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI**

(Kèm theo Quyết định số 1200/QĐ-BGDĐT ngày 29 tháng 03 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

TT	Trình độ đào tạo	Ngành đào tạo hiện tại			Ngành đào tạo theo Thông tư 24/2017/TT-BGDĐT và Thông tư 25/2017/TT-BGDĐT	
		Mã ngành	Tên ngành	Số, ngày QĐ mở ngành	Mã ngành	Tên ngành
1	Tiến sĩ	62720103	Mô phôi thai học	5031/QĐ-BGDĐT, 15/11/2012	9720101	Khoa học y sinh
2	Tiến sĩ	62720104	Giải phẫu người			
3	Tiến sĩ	62720105	Giải phẫu bệnh và Pháp y			
4	Tiến sĩ	62720107	Sinh lý học			
5	Tiến sĩ	62720108	Sinh lý bệnh			
6	Tiến sĩ	62720109	Dị ứng và miễn dịch			
7	Tiến sĩ	62720111	Y sinh học di truyền			
8	Tiến sĩ	62720112	Hóa sinh y học			
9	Tiến sĩ	62720115	Vi sinh y học		9720117	Dịch tễ học
10	Tiến sĩ	62720117	Dịch tễ học			
11	Tiến sĩ	62720120	Dược lý và độc chất			
12	Tiến sĩ	62720121	Gây mê hồi sức			
13	Tiến sĩ	62720122	Hồi sức cấp cứu và chống độc			
14	Tiến sĩ	62720124	Ngoại lồng ngực			
15	Tiến sĩ	62720125	Ngoại tiêu hóa			
					9720118	Dược lý và độc chất
					9720102	Gây mê hồi sức
					9720103	Hồi sức cấp cứu và chống độc
					9720104	Ngoại khoa

TT	Trình độ đào tạo	Ngành đào tạo hiện tại			Ngành đào tạo theo Thông tư 24/2017/TT-BGDĐT và Thông tư 25/2017/TT-BGDĐT	
		Mã ngành	Tên ngành	Số, ngày QĐ mở ngành	Mã ngành	Tên ngành
35	Tiến sĩ	62720155	Tai - Mũi - Họng		9720155	Tai - Mũi - Họng
36	Tiến sĩ	62720157	Nhân khoa		9720157	Nhân khoa
37	Tiến sĩ	62720164	Vệ sinh xã hội học và tổ chức y tế		9720801	Quản lý y tế
38	Tiến sĩ	62720201	Y học cổ truyền		9720115	Y học cổ truyền
39	Tiến sĩ	62720601	Răng - Hàm - Mặt		9720501	Răng - Hàm - Mặt
40	Tiến sĩ	62720303	Dinh dưỡng		9720401	Dinh dưỡng
41	Tiến sĩ	62720301	Y tế công cộng		9720701	Y tế công cộng
42	Tiến sĩ	62720166	Chẩn đoán hình ảnh	434/QĐ-BGDĐT, 01/02/2013	9720111	Điện quang và y học hạt nhân
43	Tiến sĩ	62720310	Y học hạt nhân	402/QĐ-BGDĐT, 10/12/2017		
44	Thạc sĩ	60720102	Y học hình thái	5031/QĐ-BGDĐT, 15/11/2012	8720101	Khoa học y sinh
45	Thạc sĩ	60720106	Y học chức năng			
46	Thạc sĩ	60720115	Vi sinh y học			
47	Thạc sĩ	60720116	Ký sinh trùng và côn trùng y học			
48	Thạc sĩ	60720117	Dịch tễ học		8720117	Dịch tễ học
49	Thạc sĩ	60720120	Dược lý và độc chất		8720118	Dược lý và độc chất
50	Thạc sĩ	60720121	Gây mê hồi sức		8720102	Gây mê hồi sức
51	Thạc sĩ	60720122	Hồi sức cấp cứu và chống độc		8720103	Hồi sức cấp cứu và chống độc
52	Thạc sĩ	60720123	Ngoại khoa		8720104	Ngoại khoa
53	Thạc sĩ	60720131	Sản phụ khoa		8720105	Sản phụ khoa

TT	Trình độ đào tạo	Ngành đào tạo hiện tại			Ngành đào tạo theo Thông tư 24/2017/TT-BGDĐT và Thông tư 25/2017/TT-BGDĐT		
		Mã ngành	Tên ngành	Số, ngày QĐ mở ngành	Mã ngành	Tên ngành	
54	Thạc sĩ	60720135	Nhi khoa		8720106	Nhi khoa	
55	Thạc sĩ	60720147	Thần kinh và tâm thần		8720107		Nội khoa
56	Thạc sĩ	60720140	Nội khoa				
57	Thạc sĩ	60720151	Huyết học và truyền máu				
58	Thạc sĩ	60720152	Da liễu				
59	Thạc sĩ		Phục hồi chức năng				
60	Thạc sĩ	Thí điểm	Y học gia đình			8729001	Y học gia đình
61	Thạc sĩ	60720149	Ung thư			8720108	Ung thư
62	Thạc sĩ	60720153	Truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới			8720109	Bệnh truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới
63	Thạc sĩ	60720150	Lao	5318/QĐ-BGDĐT, 09/11/2016			
64	Thạc sĩ	60720155	Tai – Mũi – Họng	5031/QĐ-BGDĐT, 15/11/2012	8720155	Tai – Mũi – Họng	
65	Thạc sĩ	60720157	Nhãn khoa		8720157	Nhãn khoa	
66	Thạc sĩ	60720163	Y học dự phòng		8720163	Y học dự phòng	
67	Thạc sĩ	60720201	Y học cổ truyền		8720115	Y học cổ truyền	
68	Thạc sĩ	60720301	Y tế công cộng		8720701	Y tế công cộng	
69	Thạc sĩ	60720303	Dinh dưỡng		8720401	Dinh dưỡng	
70	Thạc sĩ	60720166	Chẩn đoán hình ảnh		8720111	Điện quang và y học hạt nhân	
71	Thạc sĩ	60720601	Răng - Hàm - Mặt		8720501	Răng - Hàm - Mặt	
72	Thạc sĩ	60720701	Quản lý bệnh viện		8720802	Quản lý bệnh viện	

TT	Trình độ đào tạo	Ngành đào tạo hiện tại			Ngành đào tạo theo Thông tư 24/2017/TT-BGDĐT và Thông tư 25/2017/TT-BGDĐT	
		Mã ngành	Tên ngành	Số, ngày QĐ mở ngành	Mã ngành	Tên ngành
73	Thạc sĩ	Thí điểm	Điều dưỡng	848/QĐ-BGDĐT, 20/3/2017	8720301	Điều dưỡng
74	Thạc sĩ	Thí điểm	Xét nghiệm Y học	3949/QĐ-BGDĐT, 16/9/2013	8720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học
75	Đại học	52720101	Y đa khoa	711/QĐ-BGDĐT, 15/11/2012	7720101	Y khoa
76	Đại học	52720201	Y học cổ truyền		7720115	Y học cổ truyền
77	Đại học	52720301	Y tế công cộng		7720701	Y tế công cộng
78	Đại học	52720332	Xét nghiệm y học		7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học
79	Đại học	52720501	Điều dưỡng		7720301	Điều dưỡng
80	Đại học	52720601	Răng - Hàm - Mặt		7720501	Răng - Hàm - Mặt
81	Đại học	Thí điểm	Dinh dưỡng	5158/QĐ-BGDĐT, 21/11/2012	7720401	Dinh dưỡng
82	Đại học	Thí điểm	Khúc xạ nhãn khoa	4414/QĐ-BGDĐT, 10/10/2014		Khúc xạ nhãn khoa
83	Đại học	52720103	Y học dự phòng	763/BGDĐT-GDĐH, 21/02/2011	7720110	Y học dự phòng

Danh sách gồm 51 ngành, trong đó có 19 ngành trình độ tiến sĩ, 23 ngành trình độ thạc sĩ và 9 ngành trình độ đại học.